TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 06 - 02 -2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh A

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lưu L;

Bà Vũ Thị H.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Bích N - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận S Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quốc D - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh – số 99 đường Trần Văn K, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh - xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Sơn Thị V; sinh năm 1997 tại tỉnh Kiên Giang; nơi đăng ký thường trú: ấp F, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: số 573 đường L, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: bán vé số; trình độ văn hoá (học vấn): không biết chữ; dân tộc: Khơme; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sơn T và bà Trần Kim D; có chồng là Nguyễn Tấn P – sinh năm 1990 và 01 con sinh năm 2015; tiền án: không, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 15/6/2017 đến ngày 24/6/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, sau bị bắt theo lệnh truy nã từ ngày 19/11/2017.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Văn T, cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Người bị hại: Ông Phạm B – sinh năm: 1934 – Thường trú: 61A đường 11 cư xá Đài Ra Đa, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 ngày 14/6/2017, tại quán nước số 74 đường số 11 Phường M, Quận S, khi Sơn Thị V đang bế con của mình ngồi uống nước cùng Nguyễn Thị C (hiện đã đi khỏi địa phương) thì C phát hiện trong túi áo ngực bên trái của ông Phạm B có tiền nên C chỉ cho V và rủ V chiếm đoạt, V đồng ý. V bế con mình đưa cho ông B để ông B mất cảnh giác, sau dùng tay trái bế lại con từ ông B, dùng tay phải móc tiền trong túi của ông B bỏ vào túi áo khoác của V rồi đi vào trong trả tiền nước. Lúc này, ông B phát hiện mất tiền nên hô hoán và yêu cầu V trả lại tiền. V đưa trả cho ông B 1.700.000đồng, ông B cho là chưa đủ nên bà Đỗ Thị D (là người đi cùng với ông B) yêu cầu kiểm tra người V. Trong lúc đi vào nhà vệ sinh, V đã lén đưa tiền cho C nên khi bà D kiểm tra người V thì không có tiền. Bà D tiếp tục yêu cầu kiểm tra người C thì C lén đưa lại tiền cho V. Do ông B báo công an nên A mượn C 420.000đồng và tiền cá nhân của V là 1.180.000đồng để đưa tiếp cho ông B. Ông B cho biết ông bị mất 4.000.000đồng nên khi C về nhà lấy thêm 700.000đồng để đưa cho ông B thì V bị đưa về trụ sở Công an Phường M, Quận S cùng toàn bộ tang, tài vật. Tại trụ sở công an, V giao nộp 3.000.000đồng, khi C đến Công an Phường M, Quận S đưa 700.000đồng thì bị Công an Phường M, Quận S tạm giữ số tiền 700.000đồng. Vụ việc được chuyển công an Quận S xem xét xử lý. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công an áp dụng biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với V nhưng V bỏ trốn. Ngày 19/11/2017, V bị bắt và bị tạm giữ số tiền 2.800.000đồng, 01 điện thoại di động Mobistar vỏ màu trắng viền xanh.

Cáo trạng số 06/CTr-VKS ngày 15/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Sơn Thị V về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo V xác nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi như đã nêu trên. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận S giữ nguyên nội dung bản cáo trạng số 06/CTr-VKS ngày 15/01/2018, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm điểm h, điểm i, điểm s, điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để tuyên bố bị cáo V phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù giam; đề nghị Hội đồng xét xử giao trả lại cho bị cáo V tiền, điện thoại và xe đạp mà Cơ quan điều tra Công an Quận S đang thu giữ của bị cáo do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Người bào chữa cho bị cáo V - ông Trần Văn T phát biểu lời bào chữa: thống nhất với tội danh và điều khoản mà đại diện Viện kiểm sát truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ là bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo là người dân tộc Khơ me, không biết chữ, nhận thức hạn chế; tài sản đã được thu hồi và trao trả cho người bị hại nên chưa gây thiệt hại; bị cáo đang nuôi con nhỏ, có hoàn cảnh gia đình khó khăn để Hội đồng xét xử cho bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất.

Lời nói sau cùng của bị cáo V: bị cáo có con còn nhỏ, bị cáo biết lỗi, bị cáo hứa không tái phạm, mong cho bị cáo mức án nhẹ để bị cáo sớm về lo cho con của bị cáo và

gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận S Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận S Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh:*

Ngày 14/6/2017, tại quán nước số 74 đường số 11 Phường M, Quận S, sau khi được Nguyễn Thị C (hiện đã đi khỏi địa phương) chỉ cho biết khách đang ngồi uống nước là ông Phạm B cất tiền trong túi áo ngực bên trái và rủ Sơn Thị V chiếm đoạt thì V đã lợi dụng sự sơ hở của ông B để lén lút chiếm đoạt của ông B số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng. Như vậy, Sơn Thị V đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại thời điểm phạm tội, bị cáo V là người đã trưởng thành, có đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được tài sản của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo vệ, nhưng vì tham lam nên khi được C rủ rê thì V đã trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

[3] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

Bị cáo V phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn, do đó, căn cứ Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 để có mức hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt cần xem xét đến các tình tiết: bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội khi đang mang thai; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo; bị cáo là người dân tộc thiểu số, không biết chữ nên có nhận thức hạn chế; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; tính đến ngày 03/01/2018 bị cáo là người đang mang thai 29 tuần tuổi – đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, điểm i, điểm s, điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51; đồng thời, căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Ông Phạm B đã nhận lại được số tiền mà bị cáo V

chiếm đoạt của ông và ông B không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về vật chứng:*

- 01 xe đạp không rõ loại (đã qua sử dụng) có ghế em bé phía trước, số tiền 2.800.000đồng, 01 điện thoại di động Mobistar vỏ màu trắng viền xanh số IMEI 35222 00244 48456: tất cả là tài sản hợp pháp của bị cáo V không liên quan đến hành vi phạm tội, căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 xét giao trả lại cho bị cáo.

- Số tiền 7.000.000đồng ghi theo Phiếu nhập kho vật chứng số 104/PNK ngày 29/6/2017 của Công an Quận S trong đó:

- Số tiền 4.000.000đồng là tài sản của ông B đã được Cơ quan điều tra trao trả lại cho ông là đúng quy định pháp luật.
- Số tiền 700.000đồng là tài sản của Nguyễn Thị C không liên quan đến hành vi phạm tội, căn cứ Điều 89 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 thì đây không phải là vật chứng của vụ án, do đó, giao cho Cơ quan điều tra công an Quận S giải quyết theo trình tự, thủ tục pháp luật.
- Số tiền 2.300.000đồng là tiền của bị cáo V không liên quan đến hành vi phạm tội, căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 xét giao trả lại cho bị cáo.

[6] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo V - ông Trần Văn T - về các tình tiết giảm nhẹ được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận như nhận định trên.

[7] *Về án phí*: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đối với người phụ nữ tên Nguyễn Thị C hiện chưa xác định được lai lịch, khi nào làm rõ, bắt được sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Sơn Thị V phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58; điểm h, điểm i, điểm s, điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt: **Sơn Thị V 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm**.

Giao bị cáo Sơn Thị V cho Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trả tự do ngay tại phiên toà đối với bị cáo V đang bị tạm giam, nếu bị cáo V

không bị tạm giam về một tội phạm khác, hủy theo Quyết định tạm giam số 24/2018/HSST-QĐTG ngày 15/01/2018 đối với bị cáo V.

[2] Về vật chứng: Áp dụng Điều 89, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Giao cho Cơ quan điều tra Công an Quận S: số tiền 700.000 (bảy trăm ngàn) đồng để giải quyết theo trình tự, thủ tục pháp luật;
- Giao trả lại cho bị cáo V: 01 (một) xe đạp không rõ loại (đã qua sử dụng) có ghế em bé phía trước, số tiền 5.100.000 (năm triệu một trăm ngàn) đồng, 01 (một) điện thoại di động Mobistar vỏ màu trắng viền xanh số IMEI 35222 00244 48456

(Số tang tài vật được ghi tại Phiếu nhập kho số 104/PNK ngày 29/6/2017 và số 228/PNK ngày 28/12/2017 của Công an Quận S).

[3] Về án phí: áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án.

Tòa án đã giải thích chế định án treo đối với bị cáo Sơn Thị V.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND quận S;
- Công an quận S;
- CCTHADS quận S;
- UBND Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhà tạm giữ Công an QS;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Hải Quỳnh Anh

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2018/TB-TA	*Quận S, ngày 05 tháng 3 năm 2018*

THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

Căn cứ các Điều 45, Điều 260 và Điều 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2018/HSST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh có sai sót cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

1. Về nội dung tại các dòng 03, 04 từ dưới lên C 04 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: **"Sơn Thị V 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm**."

Nay được bổ sung như sau: **"**Sơn Thị V 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, **tính từ ngày Tòa tuyên án**"

2. Các phần khác của Bản án vẫn giữ nguyên.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND quận S;
- Công an quận S;
- CCTHADS quận S;
- UBND Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nhà tạm giữ Công an QS;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Hải Quỳnh Anh